TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỸ XUYÊN** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-3-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Anh Đức;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Văn Hải – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện M tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn T - Kiểm sát viên.

Trong ngày 27 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 190/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 47/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1981.

Nơi thường trú: Xóm A, xã S, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh.

Chỗ ở hiện nay: Số A N, phường T, thành phố B, tỉnh Đăk Lăk.

- Bị đơn: Ông Triệu Hồng V, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 16 tháng 11 năm 2022 của bà Nguyễn Thị Thanh H thể hiện:

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Triệu Hồng V chung sống với nhau vào năm 2005, có đăng ký kết hôn vào ngày 25/4/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc nhưng thời gian sau thì thường phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng sống ly thân từ năm 2006 cho tới nay. Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông V.

Về con chung: Bà H và ông V có 01 con chung là Triệu Chí V1, sinh ngày 20/11/2006, hiện đang sống với bà H. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Triệu Hồng V:* Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông Triệu Hồng V vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

- *Tại tờ nguyện vọng đề ngày 09 tháng 01 năm 2023, con chung Triệu Chí V1 trình bày:* Trường hợp cha mẹ cháu ly hôn, cháu có nguyện vọng sống với mẹ là Nguyễn Thị Thanh H.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; còn đối với bị đơn chưa chấp hành đúng quy định pháp luật do vắng mặt không có lý do tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và phiên hòa giải.

Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Triệu Hồng V đã được cấp tống đạt hợp lệ các văn bản theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng bà H, ông V vắng mặt, bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Triệu Hồng V.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của H đơn, tuyên xử bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Triệu Hồng V. Về con chung: Đề nghị giao con chung Triệu Chí V1, sinh ngày 20/11/2006 cho bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền tiếp tục trực tiếp nuôi đến khi con chung Triệu Chí V1 đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Thanh H không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét; Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà H, ông V đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng bà H, ông V vắng mặt. Bà H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, ông V vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Triệu Hồng V.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Triệu Hồng V tự nguyện kết hôn, được UBND xã L, huyện T, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn số 62 ngày 25/4/2006 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Triệu Hồng V là hôn nhân hợp pháp.

Hội đồng xét xử xét thấy hôn nhân giữa bà H và ông V đã phát sinh mâu thuẫn và ông bà không còn sống chung với nhau từ năm 2006 đến nay, không hàn gắn được, cho thấy cuộc sống hôn nhân của bà H và ông V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Thanh H.

[3] Về con chung: Bà H và ông V có 01 người con chung là Triệu Chí V1, sinh ngày 20/11/2006, hiện đang do bà H nuôi dưỡng. Khi ly hôn bà H yêu cầu được quyền nuôi con chung, cháu V1 cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, căn cứ vào nguyện vọng và nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại của con chung, Hội đồng xét xử thống nhất giao con chung Triệu Chí V1 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp, đảm bảo quyền lợi và sự phát triển mọi mặt của con chung Triệu Chí V1.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không có yêu cầu gì về việc cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ Vũn Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thanh H đối với bị đơn ông Triệu Hồng V.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thanh H được ly hôn với ông Triệu Hồng V.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Thị Thanh H được quyền trực tiếp nuôi con chung Triệu Chí V1, sinh ngày 20/11/2006 cho đến khi cháu Triệu Chí V1 đủ 18 tuổi. Ông Triệu Hồng V được quyền thăm nom con chung Triệu Chí V1 không ai được quyền cản trở. Bà Nguyễn Thị Thanh H không có yêu cầu ông Triệu Hồng V cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thanh H phải chịu là 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí bà đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0005634 ngày 07/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Bà Nguyễn Thị Thanh H đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên toà thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

6. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
- UBND xã L, h. T, ST (Theo GCNKH số 62 ngày 25/4/2006;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Mến